

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 06/2011/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 24 tháng 01 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH**Phê duyệt Quy hoạch phát triển giao thông vận tải vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030****THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Xét đề nghị của Bộ Giao thông vận tải (Tờ trình số 7874/BGTVT-KHĐT ngày 09 tháng 11 năm 2010) về Quy hoạch phát triển giao thông vận tải vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch phát triển giao thông vận tải vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 với những nội dung chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Quy hoạch phát triển giao thông vận tải vùng kinh tế trọng điểm phía Nam phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội vùng; chiến lược, quy hoạch phát triển giao thông vận tải quốc gia và của các địa phương có liên quan.

2. Tập trung phát triển giao thông vận tải với bước đột phá mạnh mẽ tạo tiền đề đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế - xã hội, đáp ứng yêu cầu là vùng đi đầu trong công cuộc công nghiệp hóa - hiện đại hóa, thu hút đầu tư nước ngoài và hội nhập quốc tế, củng cố an ninh quốc phòng và phát triển bền vững.

3. Phát triển giao thông vận tải trên cơ sở phát huy tối đa lợi thế của vùng là vị trí trung tâm và cửa ngõ chiến lược về đường biển và đường hàng không; đảm bảo sự liên kết giữa các phương thức vận tải, liên kết các vùng trong cả nước và giữa thành phố Hồ Chí Minh với các tỉnh trong vùng.

4. Chú trọng công tác bảo trì nhằm khai thác triệt để năng lực kết cấu hạ tầng hiện có. Tập trung đầu tư các công trình quan trọng bức thiết có vai trò động lực phát triển kinh tế, ưu tiên các công trình giải quyết tình trạng ùn tắc và kết nối vùng.

5. Phát triển vận tải với chất lượng cao, giá cả hợp lý; tập trung phát triển các ngành dịch vụ vận tải; phát triển vận tải đa phương thức và dịch vụ logistic; sử dụng phương tiện tiết kiệm năng lượng và năng lượng sạch để giảm thiểu tác động môi trường.

6. Tập trung giải quyết ùn tắc tại các đô thị, đặc biệt là thành phố Hồ Chí Minh; chú trọng phát triển giao thông địa phương nhất là giao thông nông thôn và nơi điều kiện còn khó khăn.

7. Huy động tối đa các nguồn lực trong và ngoài nước, khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển giao thông vận tải dưới nhiều hình thức.

8. Phát triển nhanh và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; đẩy mạnh nghiên cứu, triển khai ứng dụng công nghệ mới, vật liệu mới.

9. Dành quỹ đất hợp lý để phát triển kết cấu hạ tầng giao thông; tăng cường công tác đảm bảo hành lang an toàn giao thông; kiểm chế tiến tới giảm thiểu tai nạn giao thông; chủ động ứng phó có hiệu quả đối với biến đổi khí hậu.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu phát triển đến năm 2020

a) Về vận tải: đáp ứng nhu cầu vận tải với chất lượng ngày càng cao, giá cả hợp lý đảm bảo an toàn, tiện lợi; phát triển vận tải đa phương thức và dịch vụ logistic; ưu tiên phát triển vận tải hành khách công cộng bánh sắt và xe buýt tại các đô thị, đặc biệt là thành phố Hồ Chí Minh; kiểm chế tiến tới giảm sự gia tăng tai nạn giao thông và giảm thiểu tác động xấu đến môi trường trong khai thác vận tải.

Khối lượng vận tải hành khách đạt khoảng 1.300 - 1.400 triệu lượt khách/năm với 80.000 - 81.000 triệu hành khách - km, tốc độ tăng trưởng bình quân 8 - 9%/năm, trong đó khối lượng hành khách qua cảng hàng không đạt khoảng 25 triệu khách.

Lượng hàng hóa đạt khoảng 500 - 550 triệu tấn/năm với 450.000 - 460.000 triệu tấn - km, tốc độ tăng bình quân 7 - 8%/năm, trong đó lượng hàng hóa thông qua cảng biển đạt 265 - 305 triệu tấn (Container từ 12 - 17,9 triệu TEU).

b) Về kết cấu hạ tầng giao thông:

- Đưa vào cấp kỹ thuật hệ thống quốc lộ hiện có; đẩy nhanh xây dựng các tuyến đường bộ cao tốc, phấn đấu đến năm 2020 hoàn thành khoảng 580 km đường cao

tốc; đưa vào cấp kỹ thuật hệ thống đường tỉnh và mở mới một số tuyến cần thiết; tiếp tục phát triển giao thông nông thôn, 80% đường giao thông nông thôn được cứng hóa mặt;

- Hoàn thành nâng cấp, cải tạo tuyến đường sắt Bắc - Nam và khu đầu mối thành phố Hồ Chí Minh; xây dựng đường sắt kết nối với các cảng biển, khu kinh tế lớn; mở mới các tuyến đường sắt kết nối nội vùng và đồng bằng sông Cửu Long; nghiên cứu đầu tư xây dựng tuyến đường sắt cao tốc Bắc - Nam vào thời điểm thích hợp;

- Từng bước nâng cấp, mở rộng hệ thống cảng biển đáp ứng lượng hàng hóa thông qua trong từng thời kỳ; tập trung xây dựng một số bến cảng nước sâu tại các cụm cảng Vũng Tàu, Đồng Nai và thành phố Hồ Chí Minh; hoàn thành di dời các cảng trên sông Sài Gòn; xây dựng bến tàu khách cho tàu du lịch quốc tế; phát triển cảng tại các đảo đáp ứng nhu cầu phát triển và đảm bảo an ninh quốc phòng. Nghiên cứu chỉnh trị và cải tạo nâng cấp hệ thống luồng đảm bảo cho tàu ra vào thuận lợi và đồng bộ với quy mô bến;

- Cải tạo, nâng cấp và hoàn thành đưa vào cấp kỹ thuật các luồng tuyến vận tải thủy nội địa; nâng cấp và đầu tư có chiều sâu các cảng sông. Chuyển đổi công năng một số cảng hàng hóa phù hợp với quy hoạch đô thị để phục vụ vận tải khách và du lịch;

- Nâng cấp các cảng hàng không hiện có để đáp ứng nhu cầu trong từng thời kỳ; hoàn thành xây dựng đưa vào khai thác giai đoạn I cảng hàng không quốc tế Long Thành;

- Đẩy nhanh tiến độ xây dựng các công trình trọng điểm để giải quyết ùn tắc và phát triển đô thị. Đối với thành phố Hồ Chí Minh chú trọng phát triển hạ tầng giao thông phục vụ vận tải hành khách khối lượng lớn, các tuyến vành đai, đường trên cao và hệ thống giao thông tĩnh theo quy hoạch. Các thành phố, thị xã khác hoàn chỉnh quy hoạch, từng bước phát triển hạ tầng giao thông phục vụ vận tải hành khách công cộng đáp ứng nhu cầu.

2. Định hướng phát triển đến năm 2030

Thỏa mãn được nhu cầu vận tải và dịch vụ vận tải của xã hội với chất lượng cao, đạt tiêu chuẩn quốc tế, giá thành hợp lý và cạnh tranh, nhanh chóng, an toàn; kết nối thuận lợi giữa các phương thức vận tải, giữa các tỉnh, thành phố trong vùng với cả nước và quốc tế.

Cơ bản hoàn thiện và hiện đại hóa mạng lưới kết cấu hạ tầng giao thông. Tiếp tục phát triển các công trình kết cấu hạ tầng giao thông theo quy hoạch.

III. QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN

1. Quy hoạch phát triển vận tải

Tổ chức vận tải hợp lý trên một số hành lang chủ yếu:

- Hành lang thành phố Hồ Chí Minh - phía Bắc: là hành lang quốc gia, quốc tế đóng vai trò kết nối vùng với phía Bắc. Vận chuyển hàng khách và hàng hóa đường ngắn chủ yếu do đường bộ và đường sắt nội vùng đảm nhận; vận chuyển hàng khách và hàng hóa đường dài do hàng không, đường biển và đường sắt Bắc - Nam đóng vai trò chủ yếu.

- Hành lang thành phố Hồ Chí Minh - đồng bằng sông Cửu Long: là hành lang vùng, quốc gia. Vận tải hàng hóa do đường thủy nội địa đảm nhận là chủ yếu, sau đó đến đường bộ. Vận chuyển hàng khách do đường bộ đảm nhận là chủ yếu, sau là đường sắt và đường thủy nội địa.

- Hành lang thành phố Hồ Chí Minh - Bà Rịa - Vũng Tàu: là trục hành lang vùng, quốc tế kết nối với cảng biển đầu mối quốc tế và trung tâm du lịch biển của vùng. Vận tải hàng chủ yếu do đường thủy đảm nhận, sau đó đến đường bộ và đường sắt. Vận chuyển hàng khách do đường bộ là chủ yếu, sau đó đến đường sắt và thủy nội địa.

- Hành lang thành phố Hồ Chí Minh - Lộc Ninh - Campuchia: là trục hành lang quốc gia, quốc tế. Vận chuyển hàng hóa và hàng khách do đường bộ đảm nhận là chủ yếu, sau đó đến đường sắt.

- Hành lang thành phố Hồ Chí Minh - Mộc Bài - Campuchia: là trục hành lang quốc gia, quốc tế nằm trên mạng đường xuyên Á. Vận chuyển hàng hóa và khách do đường bộ đảm nhận chủ yếu, sau đó đến đường thủy nội địa.

- Hành lang thành phố Hồ Chí Minh - Tây Nguyên: là trục hành lang quốc gia, vùng. Vận chuyển hàng hóa và khách do đường bộ đảm nhận là chủ yếu, sau đó đến đường hàng không.

2. Quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng giao thông

a) Đường bộ

Các trục cao tốc:

- Cao tốc Bắc - Nam phía Đông: dài 1.941 km, chiều dài trong vùng khoảng 257,7 km. Trong đó: đoạn Bình Thuận - Dầu Giây dài khoảng 50 km, quy mô 4 - 6 làn xe; đoạn Dầu Giây - Long Thành - thành phố Hồ Chí Minh dài 55 km, quy mô 6 - 8 làn xe; đoạn Bến Lức - Long Thành (cao tốc liên vùng phía Nam) dài khoảng

58 km, quy mô xây dựng 6 - 8 làn xe; đoạn thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương dài 61,9 km, trong đó tuyến cao tốc 40 km, đường nối 21,9 km, quy mô xây dựng 8 làn xe (4 làn xe đã đưa vào khai thác từ 2010); đoạn Trung Lương - Mỹ Thuận dài 54 km, quy mô xây dựng 4 làn xe.

- Cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu: dài 78 km, quy mô 6 làn xe.

- Cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một - Chơn Thành: dài 69 km, quy mô 6 - 8 làn xe.

- Cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Mộc Bài: dài 55 km, quy mô 4 - 6 làn xe.

- Cao tốc Dầu Giây - Đà Lạt: dài 189 km, đoạn trong vùng dài khoảng 70 km, quy mô xây dựng 4 làn xe.

- Cao tốc Bắc - Nam phía Tây: là đường Hồ Chí Minh (giai đoạn 3), đoạn trong vùng dài khoảng 261 km, quy mô xây dựng 4 - 6 làn.

Các tuyến quốc lộ chính:

- Quốc lộ 1: đoạn trong vùng dài khoảng 229,5 km. Trong đó: đoạn phía Bắc thành phố Hồ Chí Minh dài 78 km, duy trì cấp III, quy mô 2 làn xe; xây dựng đoạn tránh thành phố Biên Hòa, dài 17,5 km, quy mô 4 làn xe; đoạn Ngã 3 Vũng Tàu đến Trạm II, dài 8 km, quy mô 6 - 8 làn xe; đoạn Trạm II đến Ngã tư Gò Dưa, dài 7 km, quy mô 6 làn xe; đoạn Ngã 4 Gò Dưa đến An Lạc, trùng vành đai 2 thành phố Hồ Chí Minh, là đường đô thị cấp I. Đoạn phía Tây Nam thành phố Hồ Chí Minh, dài khoảng 115,2 km, hoàn thiện nâng cấp mở rộng đạt tiêu chuẩn đường cấp II, quy mô 4 làn xe. Xây dựng đoạn tránh thị xã Cai Lậy, dài 12 km, quy mô 4 làn xe.

- Quốc lộ 50: từ thành phố Hồ Chí Minh đến ngã 3 giao với quốc lộ 1 tại Km 88+600 (tỉnh Tiền Giang), dài 88,6 km, đạt tiêu chuẩn đường cấp III, quy mô 2 làn xe.

- Quốc lộ 51: từ Biên Hòa (tỉnh Đồng Nai) đến Vũng Tàu (tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu), dài 73,6 km, hoàn thiện mở rộng, nâng cấp toàn tuyến đạt tiêu chuẩn đường cấp I, quy mô 6 làn xe.

- Quốc lộ 55: từ thị xã Bà Rịa (tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu) đến Bảo Lộc (tỉnh Lâm Đồng), đoạn trong vùng dài 53,3 km, hoàn thiện nâng cấp toàn tuyến đạt tiêu chuẩn đường cấp III, quy mô 2 làn xe.

- Quốc lộ 56: từ Tân Phong (tỉnh Đồng Nai) đến Bà Rịa (tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu), dài 51 km, duy trì tiêu chuẩn đường cấp III, quy mô 2 làn xe.

- Quốc lộ 22: từ thành phố Hồ Chí Minh đến Mộc Bài (tỉnh Tây Ninh), dài 58,2 km, duy trì tiêu chuẩn đường từ cấp II đến cấp I, quy mô 4 - 6 làn xe.